TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-PT
Ngày 26 - 8 - 2025
V/v tranh chấp thay đổi người nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2025/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp thay đổi người nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 45/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Mọng N, sinh năm 1988; CCCD số 096188015267, cấp ngày 14/8/2021; Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau*)* (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Hãi Đ (Trần Hải Đ1), sinh năm 1988; CCCD số 096088012747, cấp ngày 14/8/2021 (có mặt); Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau*)* (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Hãi Đ (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phạm Mọng N và ông Trần Hãi Đ (Trần Hải Đ1) kết hôn năm 2014. Đến ngày 6/11/2023 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thảo thuận của các đương sự số: 187/2023/QĐST–HNGĐ ngày 06/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Theo nội dung quyết định, bà Phạm Mọng N và ông Trần Hãi Đ thỏa thuận giao 03 người con chung tên Trần Bích N1, sinh ngày 01/9/2008; Trần Đăng K sinh ngày 03/9/2008 và Trần Minh N2 sinh ngày 12/5/2011 cho ông Trần Hãi Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Hãi Đ không yêu cầu bà Phạm Mọng N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, ông Trần Hãi Đ và bà Phạm Mọng N tự thỏa thuận. Sau khi thuận tình ly hôn, ông Trần Hãi Đ và bà Phạm Mọng N thỏa thuận việc phân chia tài sản chung là nhà, đất. Riêng đối với tài sản chung còn lại là chiếc tàu cá thì ông Trần Hãi Đ, bà Phạm Mọng N không tự thỏa thuận được việc phân chia. Ngoài ra, các bên có ý kiến tranh chấp với nhau về việc nuôi con chung nên bà Phạm Mộng N3 đã khởi kiện ông Trần Hãi Đ để yêu cầu chia tài sản chung và thay đổi người nuôi con.

Bà Phạm Mọng N cho rằng ông Trần Hãi Đ đã không thực hiện tốt nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung mà bỏ bê các con để chung sống với người khác nên bà yêu cầu giao cả ba người con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu ông Trần Hãi Đ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01 người con/tháng, thời gian cấp cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Đối với tài sản chung là chiếc tàu cá trị giá 250.000.000 đồng, bà yêu cầu chia mỗi người ½ giá trị là 125.000.000 đồng và giao tài sản là tàu cá cho ông Trần Hãi Đ sử dụng, ông Trần Hãi Đ trả cho bà ½ giá trị tài sản bằng số tiền 125.000.000 đồng.

Ông Trần Hãi Đ cho rằng, ông vẫn thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung nhưng do bà Phạm Mọng N giành lại nhà nên ông không có chỗ ở để nuôi con. Ông không đồng ý giao 03 con chung lại cho bà Phạm Mọng N nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung là chiếc tàu cá, ông không đồng ý chia cho bà Phạm Mọng N.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số:45/2025/HNGĐ-ST ngày 17/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định: Chấp nhận khởi kiện của bà Phạm Mọng N đối với ông Trần Hãi Đ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Về con chung: Giao Trần Bích N1, sinh ngày 01/9/2008; Trần Đăng K, sinh ngày 03/9/2008 và Trần Minh N2, sinh ngày 12/05/2011 cho bà Phạm Mọng N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Hãi Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom Trần Bích N1, Trần Đăng K và Trần Minh N2 mà không ai được cản trở. Ông Trần Hãi Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Trần Bích N1, Trần Đăng K và Trần Minh N2 mỗi người con hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/4/2025 cho đến khi Trần Bích N1, Trần Đăng K và Trần Minh N2 tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Giao chiếc tàu cá (tàu cá không đăng ký đăng kiểm và không có đăng ký số tàu) cho ông Trần Hãi Đ tiếp tục sử dụng. Buộc ông Trần Hãi Đ có nghĩa vụ thanh toán lại ½ giá trị chiếc tàu cá cho bà Phạm Mọng N với số tiền 64.500.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/4/2025, ông Trần Hãi Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu xem xét nguyện vọng con chung sống với ai thì người đó nuôi, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung ông yêu cầu được giao tài sản cho bà Phạm Mọng N, buộc bà Phạm Mọng N trả lại ½ giá trị tài sản cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hãi Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh C đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hãi Đăng . Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 45/2025/HNGĐ-ST ngày 17/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Trần Hãi Đ được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung tranh chấp và kháng cáo của ông Trần Hãi Đ cho thấy: Khi thuận tình ly hôn, ông Trần Hãi Đ được giao quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ba người con chung là Trần Bích N1, sinh ngày 01/9/2008; Trần Đăng K, sinh ngày 03/9/2008 và Trần Minh N2, sinh ngày 12/05/2011. Ông Trần Hãi Đ không yêu cầu bà Phạm Mọng N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung do ông Trần Hãi Đ và bà Phạm Mọng N tự thỏa thuận.

[2.1] Xét về yêu cầu thay đổi người nuôi con: Sau khi thuận tình ly hôn, bà Phạm Mọng N cho rằng ông Trần Hãi Đ không thực hiện tốt nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Còn ông Trần Hãi Đ thì cho rằng ông vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung nhưng do bà Phạm Mọng N giành lại căn nhà nên ông không có điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Tuy bà Phạm Mọng N và ông Trần Hãi Đ đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc nuôi dưỡng con chung nhưng trên thực tế cùng với ý kiến của các con chung đã thể hiện, sau khi ông Trần Hãi Đ và bà Phạm Mọng N ly hôn, ông Trần Hãi Đ chỉ chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung trong khoảng thời gian ngắn thì không còn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung nữa mà các con chung được bà Phạm Mọng N nuôi dưỡng cho đến nay. Ông Trần Hải Đ1 cũng thừa nhận do bà Phạm Mọng N quay về lấy căn nhà nên ông không có chỗ ở để nuôi dưỡng con chung. Hiện tại, các con chung của ông Trần Hãi Đ2 và bà Phạm Mọng N đang được bà Phạm Mọng N trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo, đảm bảo điều kiện sinh hoạt và học tập cho các con chung. Tại Biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 12/02/2025, tất cả các người con chung của ông Trần Hãi Đ và bà

Phạm Mọng N đều xác định có nguyện vọng tiếp tục được chung sống cùng với bà Phạm Mọng N (bút lục 77). Bên cạnh đó, ông Trần Hãi Đ cũng cho rằng ông không có nhà ở (bút lục 116) và hiện tại ông cũng đã có gia đình khác. Từ đó cho thấy, ông Trần Hãi Đ không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Mọng N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao các con chung cho bà Phạm Mọng N nuôi dưỡng và buộc ông Trần Hãi Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là đúng theo qui định tại các Điều 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Hãi Đ cho rằng nguyện vọng con chung sống với ai thì người đó nuôi, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Theo qui định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình qui định "…*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con…".* Do đó, yêu cầu của ông Trần Hãi Đ về việc không cấp dưỡng nuôi con là không đúng với qui định của pháp luật. Bên cạnh đó, trong tất cả 03 người con chung thì có 02 người con chung là Trần Bích N1 và Trần Đăng K gần đủ tuổi thành niên nên việc buộc ông Trần Hãi Đ cấp dưỡng nuôi cả 03 người con chung là phù hợp.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con, bà Phạm Mọng N yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/01 người con/01 tháng. Mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà Phạm Mọng N là thấp hơn mức cấp dưỡng tối thiểu mà pháp luật qui định, điều này có lợi cho ông Trần Hãi Đ và là sự tự nguyện của bà Phạm Mọng N. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết số 01/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con…".* Hiện tại, nơi các đương sự đang sinh sống thuộc khu vực vùng 3, có mức lương tối thiểu là 3.860.000 đồng. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà Phạm Mọng N là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu Xét yêu cầu chia tài sản chung: Tài sản chung được ông Trần Hải Đ1 và bà Phạm Mọng N thống nhất xác định là chiếc tàu cá trị giá 129.000.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá ngày 25/02/2025 của Công ty TNHH T. Sau khi thuận tình ly hôn từ tháng 11/2023, tàu cá do ông Trần Hãi Đ quản lý, sử dụng. Bà Phạm Mọng N yêu cầu chia và được nhận ½ giá trị tài sản, giao quyền sở hữu tàu cá cho ông Trần Hãi Đăng . Ông Trần Hãi Đ không đồng ý nhận tàu cá mà yêu cầu giao tàu cá cho bà Phạm Mọng N, bà Phạm Mọng N trả cho ông ½ giá trị tài sản.

Đối với bà Phạm Mọng N và ông Trần Hãi Đ đều có yêu cầu nhận giá trị tài sản mà không đồng ý nhận tài sản. Tuy nhiên, trên thực tế thì từ sau khi thuận tình ly hôn đến nay, ông Trần Hãi Đ là người trực tiếp quản lý, sử dụng và hưởng lợi từ

việc sử dụng tài sản chung. Mặt khác, thông qua đặc tính về tài sản thì ông Trần Hãi Đ là người sử dụng tài sản phù hợp hơn bà Phạm Mọng N. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giao cho ông Trần Hãi Đ quản lý, sử dụng tài sản chung là chiếc tàu cá, buộc ông Trần Hãi Đ hoàn trả ½ giá trị tài sản cho bà Phạm Mọng N là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hãi Đăng . Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 45/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Kháng cáo của ông Trần Hãi Đ không được chấp nhận nên ông Trần Hãi Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hãi Đăng . Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 45/2025/HNGĐ-ST ngày 17/04/2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh *(nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau)*.

2. Áp dụng các Điều 59, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Mọng N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn.

- *Về con chung*: Giao các con chung của ông Trần Hãi Đ, bà Phạm Mọng N là Trần Bích N1, sinh ngày 01/9/2008; Trần Đăng K, sinh ngày 03/9/2008 và Trần Minh N2, sinh ngày 12/05/2011 cho bà Phạm Mọng N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Trần Hãi Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 người con chung; mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm ngàn đồng)*/01 người con/01 tháng; thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/4/2025 cho đến khi các con chung là Trần Bích N1, Trần Đăng K, Trần Minh N2 đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Trần Hãi Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Giao quyền sở hữu tài sản là tàu cá *(tàu cá không đăng ký đăng kiểm và không có đăng ký số tàu)* cho ông Trần Hãi Đăng . Buộc ông Trần Hãi Đ có nghĩa vụ thanh toán lại ½ giá trị tài sản cho bà Phạm Mọng N bằng số tiền là 64.500.000 đồng *(Sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng)*.

- *Chi phí tố tụng:* Chi phí định giá tài sản là 7.560.000 đồng, bà Phạm Mọng N và ông Trần Hãi Đ mỗi người phải chịu ½ chi phí định giá tài sản bằng 3.780.000 đồng. Bà Phạm Mọng N đã nộp thanh toán xong 7.560.000 đồng nên buộc ông Trần Hãi Đ hoàn trả lại cho bà Phạm Mọng N số tiền 3.780.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm tám chục ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Ông Trần Hãi Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Bà Phạm Mọng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung bằng số tiền 3.225.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng do bà Phạm Mọng N dự nộp là 3.425.000 đồng tại biên lai thu số 0006827 ngày 18/11/2024 và số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006880 ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh *(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau)*, bà Phạm Mọng N được nhận lại số tiền chênh lệch là 500.000 đồng *(Năm trăm ngàn đồng)*.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hãi Đ phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0007076 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh *(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điêù 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THA dân sự khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương